

Số: /KH-UBND

Lai Vung, ngày tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp huyện Lai Vung
giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UBND-HC ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Đề án Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

- Ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, trong hoạt động hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Ứng dụng công nghệ số để số hóa dữ liệu quản lý, hướng đến tự động hoá trong quy trình thu thập - xử lý - báo cáo - lưu trữ hệ thống dữ liệu thống kê thuộc lĩnh vực trồng trọt - bảo vệ thực vật, chăn nuôi - thú y - thủy sản, phát triển nông thôn, thủy lợi, nước sạch - vệ sinh môi trường nông thôn, khuyến nông, nông thôn mới, OCOP, kiểm tra chuyên ngành - quản lý chất lượng.

- Ứng dụng công nghệ số để số hoá quy trình sản xuất an toàn, hình thành mạng lưới quan sát - quan trắc, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất và đảm bảo thông tin truy xuất được thuận tiện, minh bạch, chính xác; dần tiến đến chuyển đổi số toàn diện trong sản xuất nông nghiệp, hình thành mạng lưới quan sát - quan trắc tự động phục vụ hoạt động chuyên dịch sản xuất theo hướng kinh tế nông nghiệp, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ số để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lớn về thổ nhưỡng; về đặc tính thích nghi của cây trồng, vật nuôi, thủy sản; về thông tin thị trường,... phục vụ công tác định hướng phát triển vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, an toàn, tuần hoàn gắn hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp góp phần tạo giá trị mới cho nông sản.

II. CHỈ TIÊU

1. Chỉ tiêu đến năm 2025

a) Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công

trực tuyến mức 4 và 100% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

- 100% cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành nông nghiệp quản lý (từ tuyến huyện, xã) được số hóa và cung cấp dữ liệu mở phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản cho yêu cầu công việc.

b) Kinh tế số

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo các cấp quản lý (huyện, xã). Phát triển hệ sinh thái nông nghiệp số tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu số ngành nông nghiệp đồng bộ từ cấp huyện, xã (thông qua phát triển hệ thống phần mềm, ứng dụng thiết bị thông minh) giúp quản lý nông nghiệp số và phát triển kinh tế nông nghiệp số, sẵn sàng tích hợp vào hệ thống dữ liệu của Tỉnh và Quốc gia.

- Có 15% đến 20% hội quán, hợp tác xã có ứng dụng công nghệ để truy xuất nguồn gốc, có hoạt động thương mại điện tử.

- Xây dựng mô hình ứng dụng đồng bộ công nghệ số và thiết bị giám sát IoT, viễn thám giúp thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu lớn của ngành (hệ thống cơ sở dữ liệu lớn về thổ nhưỡng; về đặc tính thích nghi của cây trồng, vật nuôi, thủy sản; về thông tin thị trường,...) thông qua nền tảng hệ sinh thái nông nghiệp số.

- 100% sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử; tư vấn hỗ trợ trên 55% doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử.

c) Xã hội số

Hỗ trợ, tư vấn cho trên 60% nông dân biết ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) vào quy trình sản xuất, khai thác thông tin cung - cầu thông qua mạng Internet, cách thức quảng bá trực tuyến, mua bán trực tuyến.

2. Chỉ tiêu định hướng đến năm 2030

a) Chính quyền số

- Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

- 100% cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành nông nghiệp quản lý (từ tuyến huyện, xã) được cung cấp dữ liệu mở dưới định dạng máy có khả năng đọc.

b) Kinh tế số

- Cơ bản số liệu thống kê tiên độ sản xuất được thu thập, xử lý hoàn toàn tự động thông qua thiết bị giám sát IoT, viễn thám, thông qua nền tảng hệ sinh thái nông nghiệp số.

- Tư vấn hỗ trợ trên 70% doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử.

- Trên 50% hội quán, hợp tác xã có ứng dụng công nghệ để truy xuất nguồn gốc, có hoạt động thương mại điện tử.

c) Xã hội số

Hỗ trợ, tư vấn cho trên 80% nông dân biết ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) vào quy trình sản xuất, khai thác thông tin cung - cầu thông qua mạng Internet, mua bán trực tuyến.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nền tảng phục vụ chuyển đổi số ngành nông nghiệp

Nền tảng phục vụ chuyển đổi số ngành nông nghiệp huyện được ứng dụng và phát triển trên cơ sở nền tảng chuyển đổi số của Tỉnh thuộc Đề án Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 làm tiền đề thực hiện chuyển đổi số ngành nông nghiệp và công tác lưu trữ dữ liệu ngành nông nghiệp sau khi được số hóa. Cụ thể:

a) Chuyển đổi nhận thức

- Lòng ghép, gắn nhiệm vụ chuyển đổi nhận thức của lực lượng công chức, viên chức, người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, doanh nghiệp, người sản xuất về chuyển đổi số với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phối hợp Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại các địa phương.

b) Phát triển hạ tầng số

Trang bị, nâng cấp máy tính, các thiết bị đầu cuối và chứng thư số chuyên dùng để phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước.

c) Phát triển dữ liệu số

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tham mưu hoàn thiện cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo các cấp quản lý (huyện, xã), hướng đến phát triển cơ sở dữ liệu lớn của ngành và kết nối, chia sẻ dữ liệu về Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh.

d) Phát triển nền tảng số

Phát triển nền tảng thông tin định danh cá nhân và kho dữ liệu số của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kết nối với Công Dịch vụ công trực tuyến tỉnh tạo thuận lợi cho giao dịch điện tử giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác.

đ) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

Thường xuyên rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và Trung tâm Tích hợp dữ liệu.

e) Phát triển nhân lực cho chuyển đổi số

Thường xuyên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

2. Phát triển Chính quyền số

- Triển khai hệ thống thông tin báo cáo đến tất cả các ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, Chính phủ.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số mới như: Cloud, Big Data, Di động, IoT AI, Blockchain, Mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hoá, thông minh hoá, tối ưu hoá các quy trình xử lý công việc.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp, gồm: mở rộng các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân; tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời tinh giản một số dịch vụ không cần thiết. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến để giảm chi phí và thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính; xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

3. Phát triển hệ sinh thái nền tảng nông nghiệp số

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu hệ sinh thái nền tảng nông nghiệp số kết hợp ứng dụng di động giúp quản lý nông nghiệp số và phát triển kinh tế nông nghiệp số dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu lớn cho ngành nông nghiệp, quản lý tập trung, mang tính đồng bộ, sẵn sàng kết nối dữ liệu với các hệ thống chuyển đổi số trong tương lai, đặc biệt là Chính phủ số.

a) Phần mềm, ứng dụng thiết bị di động thông minh giúp quản lý nông nghiệp số

Phần mềm quản lý nông nghiệp số chứa đầy đủ các phân hệ thực hiện chức năng sau:

- Thu thập và số hoá cơ sở dữ liệu như: thông tin về sản xuất (diện tích sản xuất, thông tin về mùa vụ, cơ cấu cây trồng - vật nuôi, cơ cấu giống, thời điểm thu hoạch, năng suất, sản lượng); thông tin về dịch hại (loại dịch hại, thời gian xuất hiện, mật số, lưu hành,...); diễn biến khí tượng thủy văn (diễn biến lũ, mưa, giông, thời tiết cục đoạn,...); thông tin về chất lượng môi trường (chất lượng đất, nước, không khí,...); thông tin về thị trường (diễn biến giá cả, thị hiếu người tiêu dùng, thị trường tiêu thụ,...)... theo không gian và thời gian thực giúp hình thành cơ sở dữ liệu lớn (Big data) ngành nông nghiệp dùng chung cho cơ quan quản lý, người sản xuất, doanh nghiệp để dàng tiếp cận và khai thác phục vụ cho việc quản lý, điều hành, hoạch định kế hoạch sản xuất, kinh doanh hiệu quả nhất.

- Xây dựng hệ thống bản đồ nông nghiệp số: xác định hiện trạng sản xuất nông, lâm, thủy sản chi tiết theo đơn vị sản xuất (ô bao sản xuất, mã vùng trồng, cơ sở chăn nuôi, vùng nuôi thủy sản, vùng nguyên liệu của doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hội quán,...); định vị doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, cơ sở chế biến nông sản, cơ sở thu mua - phân phối,...); định vị hiện trạng hạ tầng phục vụ sản xuất (trạm bơm, cống, trạm quan trắc,...); xác định đặc tính thổ nhưỡng,... lên hệ thống bản đồ nông nghiệp số theo không gian và thời gian thực. Sau đó, tích hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu số của ngành giúp phản ánh trực quan, sinh động các hoạt động liên quan đến ngành nông nghiệp lên hệ thống bản đồ nông nghiệp số và sẵn sàng kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở để thực hiện dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp với IoT mặt đất giúp theo dõi biến động dữ liệu liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, giúp quản trị dữ liệu, so sánh - đối chiếu - hiệu chỉnh với cơ sở dữ liệu lớn ngành nông nghiệp hướng đến tự động hoá hoạt động thu thập - xử lý số liệu - trực quan báo cáo thống kê ngành nông nghiệp đảm bảo khách quan theo không gian và thời gian thực giúp tối ưu hoá việc sử dụng tài nguyên, nguồn lực, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, tăng năng suất lao động, giảm phụ thuộc vào điều kiện thời tiết.

b) Phần mềm, ứng dụng thiết bị di động thông minh giúp phát triển kinh tế nông nghiệp số

Phần mềm phát triển kinh tế nông nghiệp số chứa đầy đủ các phân hệ thực hiện chức năng sau:

- Quản trị chuỗi sản xuất: giúp ghi nhận nhật ký canh tác từ khâu vật tư đầu vào, quy trình canh tác, thu hoạch, sơ chế,... và kiểm soát yếu tố nguy cơ mất an toàn thực phẩm, hiệu quả sản xuất, truy xuất nguồn gốc nông sản - sản phẩm OCOP tạo tiền đề thúc đẩy chuyển đổi tư duy “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp”, phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng

nông nghiệp thông minh, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- Thu thập thông tin giá cả thị trường; phân tích, dự báo thông tin về xu hướng tiêu dùng và giá cả thị trường nông sản giúp người sản xuất và doanh nghiệp định hướng trong tổ chức sản xuất.

- Kết nối cung cầu (doanh nghiệp thu mua, chế biến, phân phối nông sản trực tiếp với người sản xuất hoặc tổ chức đại diện nông dân) và thực hiện chức năng xúc tiến thương mại (thị trường truyền thông, hệ thống phân phối tiên tiến, thương mại điện tử), quảng bá sản phẩm nông nghiệp góp phần tạo ra giá trị mới cho nông sản.

4. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương quản lý, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị.

- Việc lập dự toán kinh phí cụ thể sẽ do các cơ quan, đơn vị được phân công nhiệm vụ chủ trì chủ động lập các kế hoạch để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp phòng, ban, ngành huyện; Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch này; là đầu mối theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch; định kỳ ngày 15/12 hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Huyện; ban hành kế hoạch cụ thể thực hiện hàng năm theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin

Làm đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi nông nghiệp theo lộ trình Đề án chuyển đổi số của Tỉnh.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và đề xuất của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về dự toán kinh phí thực hiện nội dung Kế hoạch, tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định.

4. Phòng Nội vụ

- Tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn huyện. Hàng năm, lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.

- Đưa vào đánh giá thi đua khen thưởng trách nhiệm người đứng đầu về kết quả triển khai chuyển đổi số của ngành, địa phương mình.

5. Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thanh

- Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông.
- Phổ biến, lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

6. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp

Chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng quản lý nông nghiệp số, phát triển kinh tế nông nghiệp số.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huyện, Hội Nông dân Huyện

Truyền thông, phản biện xã hội và vận động thành viên, hội viên, Nhân dân tham gia ứng dụng công nghệ số vào quy trình phát triển nông nghiệp, nông thôn; tham gia đề xuất cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân là thành viên tham gia đầu tư công nghệ số vào sản xuất.

8. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

- Căn cứ nhiệm vụ được phân công xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả.
- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị liên quan trong việc thực hiện kế hoạch đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông; có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình quản lý về Kho dữ liệu dùng chung của Tỉnh phục vụ chia sẻ cho các cơ quan khác khai thác, sử dụng./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- TT/TU, TT/HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- MTTQ và các Tổ chức CTXH huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Văn phòng, NC Phụng;
- Lưu: VT, NN&PTNT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Nghĩa